

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31 – 5 – 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tân.

2. Ông Trần Văn Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Văn Diên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Niêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Q có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 07-5-2012, được Ủy ban nhân dân xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà N và ông Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21-7-2012. Hiện nay cháu D đang sống chung với cha và bà ngoại tại ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên có mâu

thuần do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Theo nội dung đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị N yêu cầu giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Q;

- Về con chung: Yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21-7-2012 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Nguyễn Văn Q như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn và cuộc sống vợ chồng như chị Nguyễn Thị N trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn Q không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị N vì ông vẫn còn thương vợ, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chăm sóc cho con. Nếu bà Nguyễn Thị N cương quyết ly hôn thì ông không đồng ý ký vào đơn ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Trường hợp Tòa án xử cho ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thùy D, không yêu cầu bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Ông Q thống nhất không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 20-3-2023, cháu Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Cháu biết việc cha mẹ quyết định ly hôn với nhau cho nên sau khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ. Đây là nguyện vọng của riêng cháu, không có ai lừa dối hay ép buộc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với vấn đề con chung: Yêu cầu Tòa án giao con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21-7-2012 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bà N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn, giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy D cho bị đơn Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn Q, đang cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; yêu cầu giải quyết vấn đề con

chung; về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng sau khi ly hôn, nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về vấn đề con chung, yêu cầu Tòa án giao con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21-7-2012 cho bị đơn ông Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bà N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, việc thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn Nguyễn Thị N và bị đơn Nguyễn Văn Q đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 07-5-2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Q là hôn nhân hợp pháp.

[4] Theo nguyên đơn trình bày, do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn với nhau. Ông Nguyễn Văn Q có hành vi đánh đập vợ dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nữa, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân chỉ làm khổ cho cả hai bên nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2019. Tại phiên tòa, bị đơn cũng thừa nhận khi nhậu say đã có hành vi đánh bà Nguyễn Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến nay cả hai không còn sống chung và quan tâm chăm sóc nhau như vợ chồng. Mặc khác, việc ông Q có hành vi bạo lực đối với bà N trong thời gian chung sống đã được các đương sự thừa nhận tại phiên tòa. HĐXX có đủ cơ sở xác định đây là trường hợp có vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay một bên khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử giải quyết cho họ được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn: Bà N yêu cầu Tòa án giao cháu D cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng và xác định rõ tại phiên tòa rằng đây là sự tự định đoạt của mình, không bị ai lừa dối hay ép buộc. Ông Q cũng đồng ý trực tiếp nuôi cháu D theo yêu cầu của bà N. Theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thùy D thì muốn sống chung với mẹ. Tuy nhiên, cháu cũng trình bày rõ lý do muốn sống chung với mẹ là vì muốn tiếp tục ở với bà ngoại tại nhà của bà ngoại để tiếp tục học tập tại trường, không muốn thay đổi môi trường sống. HĐXX xét thấy, nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất giao cháu D cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Đây là sự tự định đoạt của đương sự và xét tình hình cư trú, sinh sống hiện tại của bà N, ông Q và cháu D thì việc giao cháu D cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong trường hợp điều kiện sống thay

đôi và có đủ căn cứ thì đương sự có thể tự thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn bằng vụ án khác.

[6] Về cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn Nguyễn Thị N và bị đơn Nguyễn Văn Q thống nhất trình bày là không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Q được ly hôn.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn: Giao cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21-7-2012 cho ông Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc người không trực tiếp nuôi con không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Không ai có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007350 ngày 20-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- UBND xã An Bình B, thị xã
 Hong Ngự, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm